TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/DS-ST
Ngày 29 – 4 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T. Địa chỉ: Số 266-268, đường N K Kh Ng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Lâm Kỳ Ph – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Cà Mau.

Người được ông Ph ủy quyền: Bà Trương Yến Ng – Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ tín dụng tiêu dùng - Phòng kiểm soát rủi ro - Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T chi nhánh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022); Cư trú tại: Số 164A, đường Ng T Th, phường 8, thành phố C M, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1985 và bà Trương Thị Hồng L, sinh năm 1987; Cùng cư trú tại: Ấp T L A, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T – Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và quá trình giải quyết vụ án - bà Trương Yến Ng trình bày:*

- Ngày 04/10/2019, bà L và ông H ký hợp đồng tín dụng số

LD1927700461 vay số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, thanh toán 1.670.000 đồng, hình thức vay tín chấp. Đã trả 20 kỳ với số tiền 33.400.000 đồng, vốn là 25.000.000 đồng, lãi là 4.800.000 đồng. Hiện tại chưa thanh toán và đã chuyển sang nợ quá hạn ngày 19/7/2021. Tính đến nay còn nợ 7.544.608 đồng (vốn 5.000.000 dồng, lãi trong hạn 2.188.594 đồng, lãi quá hạn 356.014 đồng)

- Ngày 30/01/2019, bà L và ông H ký hợp đồng tín dụng số LD1902800495 vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 0.73%/tháng, thanh toán 701.000 đồng, thanh toán cuối kỳ 721.000 đồng, hình thức vay tín chấp. Đã trả 28 kỳ với số tiền 19.628.000 đồng, vốn là 15.540.000 đồng, lãi là 4.088.000 đồng. Hiện tại chưa thanh toán và đã chuyển sang nợ quá hạn ngày 26/7/2021. Tính đến nay còn nợ 5.921.239 đồng (vốn 4.460.000 dồng, lãi trong hạn 1.331.106 đồng, lãi quá hạn 130.433 đồng)

- Ngày 14/6/2019, bà L mở thẻ tín dụng hạn mức 18.000.000 đồng quá trình giao dịch đến nay tổng dư nợ còn 4.290.144 đồng. Hiện tại chưa thanh toán và đã chuyển sang nợ quá hạn ngày 19/7/2021.

Tính đến ngày 29/4/2022, bà L và ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 17.756.291 đồng.

- Nay Ngân hàng yêu cầu ông Hồ Ngọc H và bà Trương Thị Hồng L trả số tiền tính đến ngày 29/4/2022 là 17.756.291 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 30/4/2022 đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

* *Đối với ông Hồ Ngọc H và bà Trương Thị Hồng L*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông H và bà L không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trương Yến Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Hồ Ngọc H và bà Trương Thị Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ngân hàng đã cung cấp các hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ của ông H và bà L số LD1927700461 ngày 04/10/2019 với số vốn vay là 30.000.000 đồng, số LD1902800495 ngày 30/01/2019 với số vốn vay là 20.000.000 đồng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/6/2019 của bà L với hạn mức tín dụng là 18.000.000 đồng (kèm theo bản sao Giấy chứng minh nhân dân và Sổ hộ khẩu gia đình); quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà L không phản đối yêu cầu khởi kiện và các vấn đề này. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét đề nghị trả vốn, lãi đến ngày xét xử sơ thẩm của Ngân hàng thấy

rằng: Các hợp đồng tín dụng vay vốn và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của ông H, bà L có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự và điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng. Quá trình vay vốn ông H và bà L có thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nhưng không đầy đủ, tính đến ngày 29/4/2022 ông H và bà L còn nợ đối với hai hợp đồng tín dụng số LD1927700461 là 7.544.608 đồng (vốn 5.000.000 dồng, lãi trong hạn 2.188.594 đồng, lãi quá hạn 356.014 đồng), số LD1902800495 là 5.921.239 đồng (vốn 4.460.000 dồng, lãi trong hạn 1.331.106 đồng, lãi quá hạn 130.433 đồng). Đới với việc sử dụng thẻ tín dụng của bà L nợ số tiền là 4.290.144 đồng. Xét thấy đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H và bà L cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng của Ngân hàng, thấy rằng:

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện: "*…kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"*. Do đó, yêu cầu trên của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H và bà L phải liên đới chịu số tiền là 887.814 đồng (17.756.291 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T. Buộc ông Hồ Ngọc H và bà Trương Thị Hồng L phải có nghĩa vụ liên

đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/4/2022 là 17.756.291 đồng (mười bảy triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/4/2022, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Ngọc H và bà Trương Thị Hồng L phải liên đới chịu số tiền 887.814 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm mười bốn đồng) (chưa nộp).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Th T không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng là 424.000 đồng (bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012098 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc